

Số: 2270/TTr-UBND

Mường Kim, ngày 26 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện chi trả chế độ, chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Mường Kim.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Tờ trình số 7398/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách, các nhiệm vụ phát sinh và Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025;

Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã xem xét ban hành Nghị quyết phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện chi trả chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2025 gồm các nội dung, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện chủ trương sáp nhập đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, một số nguồn kinh phí về tiền lương, tiền thưởng và các nhiệm vụ đã thực hiện chưa được cấp đủ so với dự toán đầu năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, trên địa bàn phát sinh một số nhiệm vụ cần bố trí kinh phí; đồng thời cần hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh tả lợn châu Phi và hỗ trợ khôi phục sản xuất, cụ thể như sau:

1. Bổ sung kinh phí trợ cấp lần đầu khi nhận công tác ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn; Trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ.

2. Bổ sung kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

3. Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội năm 2025.

4. Kinh phí tiền lương, phụ cấp; tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ - CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở;

cùng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đã triển khai trước khi sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

5. Kinh phí thực hiện tinh giảm biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ.

6. Kinh phí mua sắm trang thiết bị hạ tầng truyền thông phục vụ kết nối hệ thống thông tin ngành tài chính.

7. Kinh phí hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật theo Nghị quyết số 76/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND tỉnh.

8. Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật theo Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND tỉnh

Do đó, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về phân bổ, bổ sung dự toán ngân sách năm 2025 là cần thiết, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và đúng quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG

Bổ sung kinh phí tiền lương, tiền thưởng và các nhiệm vụ phát sinh đã thực hiện trước khi sắp xếp đơn vị hành chính; kinh phí để thực hiện chi trả các chế độ, chính sách an sinh xã hội; kinh phí tinh giản biên chế đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ khắc phục thiệt hại do dịch bệnh tả lợn châu Phi và một số nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025.

Tổng kinh phí: 8.465.680.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, bốn trăm sáu mươi năm triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

(Có phụ biểu chi tiết và dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã Mường Kim trình Hội đồng nhân dân xã xem xét Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Nội

BIỂU TỔNG HỢP

Bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025.

(Kèm theo Tờ trình số: 2270/TTr-UBND ngày 26/11/2025 của UBND xã Mường Kim)

Đơn vị: 1000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Kinh phí theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ	124,000		
1.1	Kinh phí trợ cấp lần đầu khi công tác ở vùng đặc biệt khó khăn	23,400	Trường TH&THCS Pha Mu	
		23,400	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Mung	
		23,400	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Hừa	
1.2	Kinh phí chuyển công tác ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn	1,810	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Hừa	
		51,990	Trường THCS Mường Kim	
2	Kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	370,000		
2.1	Kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản	133,000	Văn phòng HĐND và UBND xã	
2.2	Kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản	133,000	Văn phòng Đảng ủy xã	
2.3	Kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản	104,000	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	
3	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội năm 2025	2,962,000		
3.1	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	134,918		
3.1.1	- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	4,648	Trường Mầm Non Tà Mung	
		1,800	Trường Mầm Non Tà Hừa	
		127,270	Trường PTDTBT Trung học CS Tà Mung	
		1,200	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Mung	
3.1.2	Chính sách học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	14,040	Trường Tiểu học Mường Kim	
3.1.3	Chính sách hỗ trợ nấu ăn theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ	9,600	Trường Mầm Non Tà Hừa	
3.1.4	Chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ	527,140		

Stt	Nội dung	Tổng kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	Chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ	113,760	Trường Mầm Non Mường Kim	
		238,000	Trường Mầm Non Tà Mung	
		43,200	Trường Mầm Non Pha Mu	
		132,180	Trường Mầm Non Tà Hừa	
3.2	Kinh phí bảo trợ xã hội	2,276,302	Phòng Văn hóa - xã hội	
4	Kinh phí tiền lương, phụ cấp lương; tiền thưởng theo NĐ số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở, kinh phí các nhiệm vụ phát sinh đã thực hiện trước sắp xếp ĐVHC	1,970,000		
4.1	Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	962,859	Các đơn vị trường học	
4.1.1	Kinh phí Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP cho các đơn vị trường Mầm Non	79,130	Trường MN Mường Kim	
		79,130	Trường MN Tà Mung	
		79,130	Trường MN Pha Mu	
		86,730	Trường MN Tà Hừa	
4.1.2	Kinh phí Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP cho các đơn vị trường Tiểu học	88,630	Trường Tiểu học Mường Kim	
		79,130	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Mung	
		79,130	Trường Tiểu học và THCS Pha Mu (Cấp Tiểu học)	
		79,130	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Hừa	
4.1.3	Kinh phí Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP cho các đơn vị trường Trung học cơ sở	79,130	Trường Trung học cơ sở Mường Kim	
		75,329	Trường PTDTBT THCS Tà Mung	
		79,130	Trường TH&THCS Pha Mu	
		79,130	Trường PTDTBT THCS Tà Hừa	
4.2	Tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	792,341		
4.2.1	Kinh phí tiền lương, phụ cấp đối với giáo viên	30,400	Trường MN Tà Mung	
		119,803	Trường MN Pha Mu	
		182,500	Trường MN Tà Hừa	
		50,000	Trường Tiểu học Mường Kim	
		183,063	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Mung	

Stt	Nội dung	Tổng kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		7,614	Trường Trung học cơ sở Mường Kim	
4.2.2	Tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức	25,000	Văn phòng Đảng ủy	
		25,000	Văn phòng HĐND và UBND	
		140,000	Phòng Kinh tế	
		14,961	Phòng Văn hóa	
		14,000	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	
4.3	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đã triển khai trước khi sắp xếp đơn vị hành chính.	214,800		
4.3.1	Kinh phí Lễ hội Gầu Tào	150,000	Phòng Văn Hóa	Đã thực hiện
4.3.2	Kinh phí hòa giải cơ sở	19,800	Văn phòng HĐND và UBND	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm
4.3.3	Kinh phí bảo hiểm hiểm xã hội, bảo hiểm y tế Lục lượng An ninh trật tự cơ sở	1,499		
4.3.4	Kinh phí hỗ trợ An ninh địa phương	43,501		
5	Kinh phí thực hiện tinh giảm biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ	238,680	Phòng Văn Hóa - Xã hội	
6	Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị hạ tầng truyền thông phục vụ kết nối hệ thống thông tin ngành tài chính	100,000	Phòng Kinh tế	
7	Kinh phí hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật theo Nghị quyết số 76/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND tỉnh	1,954,000		
8	Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật theo Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND tỉnh	747,000		
Tổng cộng		8,465,680		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ MUỜNG KIM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường Kim, ngày 22 tháng 12 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện chi trả chế độ,
chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ MUỜNG KIM
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế; Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 07/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách, các nhiệm vụ phát sinh và các Chương trình MTQG năm 2025;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày 07/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách, các nhiệm vụ phát sinh và các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025;

Xét Tờ trình số 2270/TTr-UBND ngày 26/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã về đề nghị ban hành Nghị quyết phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện chi trả chế độ, chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2025; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày /12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ, bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2025.

Tổng kinh phí: 8.465.680.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, bốn trăm sáu mươi năm triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Mường Kim khóa XXI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 22/12/2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh Lai Châu;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ Việt Nam xã;
- Ban XD đảng, UBKT Đảng ủy;
- Các Ban HĐND xã;
- Các Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thắng

BIỂU TỔNG HỢP

Bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025.

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2025 của HĐND xã Mường Kim)

Đơn vị: 1000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Kinh phí theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ	124,000		
1.1	Kinh phí trợ cấp lần đầu khi công tác ở vùng đặc biệt khó khăn	23,400	Trường TH&THCS Pha Mu	
		23,400	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Mung	
		23,400	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Hừa	
1.2	Kinh phí chuyển công tác ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn	1,810	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Hừa	
		51,990	Trường THCS Mường Kim	
2	Kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	370,000		
2.1	Kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản	133,000	Văn phòng HĐND và UBND xã	
2.2	Kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản	133,000	Văn phòng Đảng ủy xã	
2.3	Kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản	104,000	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	
3	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội năm 2025	2,962,000		
3.1	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	134,918		
3.1.1	- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	4,648	Trường Mầm Non Tà Mung	
		1,800	Trường Mầm Non Tà Hừa	
		127,270	Trường PTDTBT Trung học CS Tà Mung	
		1,200	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Mung	
3.1.2	Chính sách học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	14,040	Trường Tiểu học Mường Kim	
3.1.3	Chính sách hỗ trợ nấu ăn theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ	9,600	Trường Mầm Non Tà Hừa	
3.1.4	Chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ	527,140		

Stt	Nội dung	Tổng kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	Chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ	113,760	Trường Mầm Non Mường Kim	
		238,000	Trường Mầm Non Tà Mung	
		43,200	Trường Mầm Non Pha Mu	
		132,180	Trường Mầm Non Tà Hừa	
3.2	Kinh phí bảo trợ xã hội	2,276,302	Phòng Văn hóa - xã hội	
4	Kinh phí tiền lương, phụ cấp lương; tiền thưởng theo ND số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở, kinh phí các nhiệm vụ phát sinh đã thực hiện trước sắp xếp ĐVHC	1,970,000		
4.1	Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	962,859	Các đơn vị trường học	
4.1.1	Kinh phí Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP cho các đơn vị trường Mầm Non	79,130	Trường MN Mường Kim	
		79,130	Trường MN Tà Mung	
		79,130	Trường MN Pha Mu	
		86,730	Trường MN Tà Hừa	
4.1.2	Kinh phí Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP cho các đơn vị trường Tiểu học	88,630	Trường Tiểu học Mường Kim	
		79,130	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Mung	
		79,130	Trường Tiểu học và THCS Pha Mu (Cấp Tiểu học)	
		79,130	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Hừa	
4.1.3	Kinh phí Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP cho các đơn vị trường Trung học cơ sở	79,130	Trường Trung học cơ sở Mường Kim	
		75,329	Trường PTDTBT THCS Tà Mung	
		79,130	Trường TH&THCS Pha Mu	
		79,130	Trường PTDTBT THCS Tà Hừa	
4.2	Tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	792,341		
4.2.1	Kinh phí tiền lương, phụ cấp đối với giáo viên	30,400	Trường MN Tà Mung	
		119,803	Trường MN Pha Mu	
		182,500	Trường MN Tà Hừa	
		50,000	Trường Tiểu học Mường Kim	
		183,063	Trường PTDTBT Tiểu học Tà Mung	

Stt	Nội dung	Tổng kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		7,614	Trường Trung học cơ sở Mường Kim	
4.2.2	Tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức	25,000	Văn phòng Đảng ủy	
		25,000	Văn phòng HĐND và UBND	
		140,000	Phòng Kinh tế	
		14,961	Phòng Văn hóa	
		14,000	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	
4.3	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đã triển khai trước khi sắp xếp đơn vị hành chính.	214,800		
4.3.1	Kinh phí Lễ hội Gầu Tào	150,000	Phòng Văn Hóa	Đã thực hiện
4.3.2	Kinh phí hòa giải cơ sở	19,800	Văn phòng HĐND và UBND	Đã thực hiện 6 tháng đầu năm
4.3.3	Kinh phí bảo hiểm hiểm xã hội, bảo hiểm y tế Lực lượng An ninh trật tự cơ sở	1,499		
4.3.4	Kinh phí hỗ trợ An ninh địa phương	43,501		
5	Kinh phí thực hiện tinh giảm biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ	238,680	Phòng Văn Hóa - Xã hội	
6	Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị hạ tầng truyền thông phục vụ kết nối hệ thống thông tin ngành tài chính	100,000	Phòng Kinh tế	
7	Kinh phí hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật theo Nghị quyết số 76/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND tỉnh	1,954,000		
8	Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật theo Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND tỉnh	747,000		
Tổng cộng		8,465,680		

